



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế (08101) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi) - Tổ 002
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135094	ĐẶNG THẾ HÂN	26/03/88			8	Tám
2	07135021	HUỲNH THỊ NGỌC	12/08/89			9	Chín
3	07135093	LÊ THỊ NGỌC	26/02/88			6	Sáu
4	07135095	ĐẶNG THỊ THU	05/01/87			8	Tám
5	07135023	NGUYỄN TRỌNG	08/07/89			8	Tám
6	07135022	TRẦN THỊ MINH	28/04/89			8	Tám
7	07135026	LÊ THỊ HÒA	02/11/89			9	Chín
8	07135025	LƯU THÁI	01/10/88			8	Tám
9	07135027	LÊ THANH HỒ	25/10/89			8	Tám
10	07135028	VŨ VĂN	20/09/86			9	Chín
11	07135029	NGUYỄN THỊ HUỆ	24/09/89			9	Chín
12	07135030	PHẠM NHẬT HUY	21/07/88			9	Chín
13	07135098	NGUYỄN THỊ THỤC	21/10/89			9	Chín
14	07135099	NGUYỄN THỊ NGỌC	07/11/89			6	Sáu
15	07135031	NGUYỄN THỊ MỸ	12/01/88			8	Tám
16	07135032	TRẦN HÀ MINH	12/07/89		✓		
17	07135033	VƯƠNG HỒNG KÁCH	21/10/89			7	Bảy
18	07135034	TRẦN DĂNG KHOA	25/12/89			8	Tám
19	07135102	NGUYỄN NGÔ BẢO KHUYẾN	28/02/88			8	Tám
20	07135035	VŨ THỊ HOÀNG KHƯƠNG	22/03/89			9	Chín
21	07135103	ĐOÀN THỊ HỒNG LÊ	10/01/89			8	Tám
22	07135036	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	21/10/89			9	Chín
23	07135106	CAO THÁI TRÚC LINH	12/02/89			9	Chín
24	07135038	NGUYỄN CHÍ LINH	21/04/89			8	Tám
25	07135104	NGUYỄN KHOA THỦY LINH	04/09/89			7	Bảy
26	07135039	TRẦN THỊ THỦY LINH	14/07/89			7	Bảy
27	07135105	TRỊNH THỦY LINH	09/02/90			9	Chín
28	07135041	NGUYỄN QUANG LONG	23/02/88			6	Sáu
29	07135042	VŨ TRÍ LONG	29/04/88			7	Bảy
30	07135043	HỒNG TẬP LỘC	28/11/88			9	Chín
31	07135107	PHẠM THỊ LỘC	20/10/89			9	Chín

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sở từ: 30

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Xác nhận của bộ môn _____

Hà Thu Thái Trâm

Nguyễn Ngọc Duy

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

[Signature]

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế (08101) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135001	TRẦN HỮU HÀ	AN	24/03/89	Thư	8	Tám
2	07135002	ĐÌNH LÊ HOÀI	ANH	29/12/89	Đ	7	Bảy
3	07135005	HOÀNG THẾ	ANH	05/07/89	Thư	9	Chín
4	07155003	LÃ THỊ LAN	ANH	25/12/89	Thư	8	Tám
5	07135003	NGUYỄN MAI	ANH	12/01/89	Nguyễn	8	Tám
6	07135077	PHAN TÚ	ANH	27/11/89	T	10	Mười
7	07135078	TRẦN NGỌC	ÁNH	17/03/89	anh	8	Tám
8	07135151	NGÔ HẢI	CHI	24/01/89	cu	8	Tám
9	07135080	NGUYỄN HỮU	CHÍ	15/01/88	X	5	Năm
10	07159009	NGUYỄN NGỌC	CHIÊM	12/03/89	Sl	8	Tám
11	07135008	NGUYỄN THỊ	DIỆM	20/09/89	Diem	6	Sáu
12	07135082	LÊ HÙNG	DUC	20/08/87	h	8	Tám
13	07135009	NGUYỄN THỦY	DUNG	05/08/89	h	7	Bảy
14	07135010	NGUYỄN ANH	DUY	04/01/88	anh	8	Tám
15	07135083	NGUYỄN QUANG	DUY	29/10/89	anh	8	Tám
16	07135084	LÊ NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	14/09/88	Th	7	Bảy
17	07135085	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	24/04/89	Đào	7	Bảy
18	07135086	TRẦN QUANG	ĐẠO	10/05/87	Đào	8	Tám
19	07135011	LÂM QUỐC	ĐẠT	22/09/89	Qua	8	Tám
20	07135012	TRẦN MINH	ĐÌNH	13/02/89	Minh	6	Sáu
21	07135013	ĐÀO XUÂN	ĐỨC	10/06/86	Đào	6	Sáu
22	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	09/06/88	Đỗ	8	Tám
23	07147020	PHAM NGUYỄN CÔNG	ĐỨC	25/08/89	Pham	8	Tám
24	07135014	LÊ THỊ HỒNG	GÃM	11/03/88	Th	7	Bảy
25	07135016	HỒ PHẠM TRÀ	GIANG	09/12/89	Pham	8	Tám
26	07135089	NG PHƯƠNG HOÀNG	HẢI	12/11/89	Phu	8	Tám
27	07135018	NGUYỄN MINH	HẢI	10/05/84	Minh	9	Chín
28	07135019	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	26/03/89	my	9	Chín
29	07135090	NGUYỄN THỊ	HÀO	24/12/89	Th	8	Tám
30	07135020	NG HUỖNH PHƯƠNG	HẰNG	28/09/89	Ng	8	Tám
31	07135092	VĂN NGUYỄN TUYẾT	HẰNG	05/10/89	Van	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 31 Số bài: 2021 Sở từ: 31

Ngày 6 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 [Signature]

Cán bộ coi thi 2 [Signature]

Phạm Minh Hiệp

Đinh Thị Nguyệt Hương

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

[Signature]

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 001
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV217

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122006	HỒ TUẤN	ANH	11/08/88	Tu	6	Sáu
2	07122004	LÊ KIM	ANH	26/03/88	th	7	Bảy
3	07122005	NGUYỄN THẾ	ANH	13/10/83	th	8	Tám
4	07122007	NGUYỄN TUẤN	ANH	23/09/89	th	7	Bảy
5	07122008	TRẦN TUẤN	ANH	21/04/88	th	6	Sáu
6	07122009	LÊ NGỌC	ÂN	02/07/89	th	7	Bảy
7	07122010	VƯƠNG THỊ NGỌC	ÂN	08/09/89	th	6	Sáu
8	07122012	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	06/11/89	th	7	Bảy
9	07122015	PHẠM THÁI	BÌNH	25/08/89	th	7	Bảy
10	07122016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CẨM	02/01/89	th	5	Năm
11	07122018	PHẠM THỊ KIM	CHI	15/09/87	th	8	Tám
12	07122019	NGUYỄN THỊ	CHUNG	15/06/88	th	9	Chín
13	07122020	VÕ TẤN	CÔNG	26/10/88	th	7	Bảy
14	07125031	PHAN THỊ	CÚC	12/04/88	th	8	Tám
15	07122021	LÝ HOÀNG MỘNG	DIỆM	18/01/89	th	7	Bảy
16	07122022	TỔNG NHỰT	DIỄN	05/02/89	th	9	Chín
17	07122024	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	DIỆU	10/12/88	th	9	Chín
18	07122025	TRẦN KHÁNH	DIỆU	23/08/89	th	6	Sáu
19	07122026	MAI CÔNG	DOAN	11/09/87	th	8	Tám
20	07122027	NGÔ THỊ MỸ	DUNG	10/12/89	th	7	Bảy
21	07122028	NGUYỄN HOÀNG	DỪNG	30/08/85	th	9	Chín
22	07122029	NINH NGỌC	DUY	07/11/89	th	8	Tám
23	07122030	TRƯƠNG QUANG NỮ KI	DUYỄN	20/02/89	th	8	Tám
24	07122031	NGUYỄN QUỲNH	ĐAN	01/03/89	th	6	Sáu
25	07122032	VŨ THỊ HỒNG	ĐÀO	09/01/89	th	9	Chín
26	07122033	ĐỖ XUÂN	DIỆP	23/06/88	th	7	Bảy
27	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	17/04/88	th	6	Sáu
28	07122037	LÊ VĂN	HÀ	04/08/88	th	8	Tám
29	07122035	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	20/04/89	th	7	Bảy
30	07122036	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	27/11/89	th	8	Tám
31	07122038	NGÔ THỊ TUYẾT	HẠNH	12/10/89	th	7	Bảy
32	07122040	NGUYỄN THỊ	HĂNG	07/02/89	th	7	Bảy
33	07122039	PHẠM THỊ	HĂNG	29/01/85	th	8	Tám
34	07122041	HỒ THỊ NGỌC	HÂN	15/06/89	th	8	Tám
35	07122214	THẠCH THỊ NGỌC	HÂN	24/10/87	th	8	Tám
36	07122043	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	11/08/89	th	7	Bảy

Trang 1

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 001

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122042	PHẠM ĐỨC HẬU	12/09/89			7	Bảy
38	07122046	HỒ THỊ THU HIỀN	15/09/89			7	Bảy
39	07122044	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	01/05/89			7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 39 Số bài: 39 Số tờ: 39

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
Bùi Thị Nga

Cán bộ coi thi 2
Nguyễn Ngọc Duy

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phạm Thị Nhiên

40 07162020 Lê Phạm Trung Nhiên 01/01/89 7 Bảy



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 002
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV219

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTĐ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122045	PHAM THỊ HIỀN	08/09/88		<i>Hiền</i>	8	Tám
2	07122048	LÊ THỊ HOA	08/04/89		<i>Hoa</i>	8	Tám
3	07122049	TRẦN THỊ HOA	26/06/89		<i>Th</i>	8	Tám
4	07122050	NGUYỄN XUÂN HÒA	28/11/89		<i>Xuân</i>	7	Bảy
5	07122052	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	17/09/88		<i>Thu</i>	8	Tám
6	07122053	ĐÀM GIA HUY	27/03/89		<i>Gia</i>	8	Tám
7	07122056	HỒ XUÂN HUY	10/05/88		<i>Xuân</i>	8	Tám
8	07122054	TRẦN HOÀNG HUY	25/01/89		<i>Hoàng</i>	8	Tám
9	07122055	TRẦN MINH HUY	18/09/89		<i>Minh</i>	7	Bảy
10	07122060	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	16/09/89		<i>Thu</i>	8	Tám
11	07122059	TRINH THỊ HƯƠNG	20/10/88		<i>Trinh</i>	8	Tám
12	07122061	TRẦN THỊ HƯƠNG	20/01/87		<i>Trinh</i>	7	Bảy
13	07122064	VÕ VĂN KHÁNH	08/10/88		<i>Văn</i>	8	Tám
14	07122066	HÀ TRUNG KIẾN	05/05/89		<i>Trung</i>	8	Tám
15	07122068	ĐÀO TUẤN KIẾT	31/10/89		<i>Tuấn</i>	8	Tám
16	07122069	TẠ HỒNG KIỀU	02/09/89		<i>Hồng</i>	8	Tám
17	07122071	ĐỖ NGUYỄN THÚY LAN	27/02/89		<i>Lan</i>	8	Tám
18	07122073	TRẦN THỊ LÊ	16/01/89		<i>Thị</i>	8	Tám
19	07122074	NGUYỄN THỊ MỸ LÊ	12/05/89		<i>Mỹ</i>	8	Tám
20	07122075	PHAN THANH LIÊM	21/11/88		<i>Thanh</i>	8	Tám
21	07122077	NGUYỄN THỊ THÚY LINH	29/03/89		<i>Thị</i>	8	Tám
22	07122079	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LOAN	24/01/89				
23	07122080	LÝ ĐẠT LONG	24/04/88		<i>Đạt</i>	8	Tám
24	07122081	NGÔ HOÀNG LONG	22/01/89		<i>Hoàng</i>	8	Tám
25	07122082	PHAN VŨ LONG	20/02/88			6	Sáu
26	07122083	ĐOÀN SƠN ANH LUÂN	30/10/89		<i>Sơn</i>	6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Sờ tờ: 25

Ngày 7 tháng 5 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

mh
Lê Nguyễn Mai Anh

Cán bộ coi thi 2

Đinh Ngọc Duyệt
Đinh Ngọc Duyệt

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Phạm Thị Nhiên
Phạm Thị Nhiên

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 003
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV223

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số ở	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122084	NGUYỄN THÀNH LUÂN	06/09/90		<i>Thuy</i>	7	Bảy
2	07122086	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	12/09/87		<i>Thuy</i>	7	Bảy
3	07122087	PHẠM THỊ NGỌC LỖ	12/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
4	07122090	BÙI VĂN MẠNH	19/08/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
5	07122091	HUỖNH THANH MÃN	24/07/88		<i>Thuy</i>	7	Bảy
6	07122093	NGUYỄN QUANG MINH	26/05/87		<i>Thuy</i>	6	Sáu
7	07122092	TRẦN DƯƠNG NHẬT MINH	23/11/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
8	07122094	NGUYỄN THỊ MỚI	01/05/88		<i>Thuy</i>	8	Tám
9	07122096	LÊ HOÀI NAM	15/09/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
10	07122099	TRẦN THỊ HỒNG NGÃ	29/03/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
11	07122103	NGUYỄN HUỖNH THÁI NGÃN	03/08/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
12	07122102	NGUYỄN NGỌC NGÃN	04/09/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
13	07122104	PHẠM THỊ THÁI NGÃN	23/04/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
14	07122106	PHẠM THỊ THỦY NGÃN	06/05/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
15	07122105	TRẦN THẢO NGÃN	20/02/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
16	07122107	NGUYỄN THỊ NGHE	05/03/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
17	07122108	VŨ THỊ NGOAN	02/05/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
18	07122111	PHẠM THỊ KIM NGỌC	20/10/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
19	07122112	HUỖNH KHÁNH NGUYỄN	21/10/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
20	07122114	LÊ CHÍ NHÂN	1 / 88		<i>Thuy</i>	8	Tám
21	07122115	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	27/11/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
22	07122116	TRẦN NGUYỄN TRÍ NHÂN	16/12/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
23	07122117	LÂM THỊ TUYẾT NHUNG	20/09/89		<i>Thuy</i>	9	Chín
24	07122118	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	15/09/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
25	07122119	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	16/01/89		<i>Thuy</i>	7	Bảy
26	07122120	NGUYỄN THỊ NINH	01/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
27	07122121	LÊ THỊ NỮ	26/03/87		<i>Thuy</i>	9	Chín
28	07112175	VŨ VĂN NỮ	20/06/87		<i>Thuy</i>	8	Tám
29	07122123	HUỖNH PHÁT	27/09/89		<i>Thuy</i>	6	Sáu
30	07122124	NGUYỄN TẤN PHÁT	30/09/89		<i>Thuy</i>	6	Sáu
31	07122125	ĐÀO LOAN PHI	17/12/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
32	07122126	NGUYỄN HỒNG PHONG	02/10/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
33	07122127	NGUYỄN HỒNG PHÚC	29/01/89		<i>Thuy</i>	8	Tám
34	07122128	NGUYỄN THỊ KIM PHÚC	21/12/89		<i>Thuy</i>	9	Chín

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 31 Số bài: 31 Sở từ: 31

Ngày 08 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Ng

Cán bộ coi thi 2 Chau
Nguyễn D. Chau

Hà Thị Thái Trâm

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Như

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 004
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV225

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122129	NGUYỄN PHƯỚC HỒNG	PHỤNG	18/09/89		7	Bảy
2	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/89		5	Năm
3	07122130	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20/06/90		9	Chín
4	07122131	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/06/89		7	Bảy
5	07122136	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	02/09/89		7	Bảy
6	07122135	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/11/89		8	Tám
7	07122138	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	02/08/88		8	Tám
8	07122137	TRẦN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	09/06/89		8	Tám
9	07122140	DƯ DUY	QUANG	09/10/89		8	Tám
10	07122141	LƯƠNG VINH	QUAY	14/10/84		8	Tám
11	07122142	CHÂU NGỌC	QUẾ	04/08/89		8	Tám
12	07122143	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	25/07/88		7	Bảy
13	07122145	TRẦN THỊ BÍCH	QUYÊN	14/02/89		8	Tám
14	07122146	NGUYỄN THANH	SANG	11/09/89		8	Tám
15	07122147	LÝ A	SÁNG	19/03/87		8	Tám
16	07122148	ĐOÀN QUỐC	SỈ	16/06/89		9	Chín
17	07122150	PHAN XUÂN	SỸ	19/05/89		8	Tám
18	07122151	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TÂM	18/09/88		8	Tám
19	07122152	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	12/11/88		8	Tám
20	07122153	TRẦN THANH	TÂM	04/02/89		8	Tám
21	07122156	BẠCH VĂN	TÂN	29/06/89		8	Tám
22	07122155	PHẠM	TÂN	09/11/89		8	Tám
23	07122157	TRẦN ĐÌNH	THẠC	08/09/89		8	Tám
24	07122159	NGUYỄN VĂN	THÀNH	24/09/88		7	Bảy
25	07122160	HỒ PHƯƠNG	THẢO	03/04/89		8	Tám
26	07122162	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	05/09/89		8	Tám
27	07125223	PHAN THỊ MỸ	THẨM	26/11/89		8	Tám
28	07122165	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	13/02/85		6	Sáu
29	07122167	VÕ KHẮC	THÂM	04/12/89		8	Tám
30	07122168	DƯƠNG ĐÌNH KIM	THỊ	06/08/89		7	Bảy
31	07122169	NGUYỄN TRƯỞNG	THỊ	19/02/87		7	Bảy
32	07122170	NGUYỄN THỊ	THỊN	20/01/88		9	Chín
33	07122171	DƯƠNG THỊ PHÚC	THỊNH	16/01/89		10	Mười
34	07122172	NGUYỄN TRƯỞNG	THỌ	13/08/89		7	Bảy
35	07122173	BÙI KIM	THOÀ	08/08/89		7	Bảy
36	07122174	NGUYỄN MAI NGỌC	THOÀ	18/02/88		8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 004

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122175	VÕ THỊ THƠ	20/09/89			9	Chín
38	07122177	HOÀNG THỊ MINH	12/07/89			9	Chín
39	07122176	HỒ THỊ KIM	28/12/89			6	Sáu
40	07122178	NGUYỄN THỊ	04/09/89			9	Chín
41	07122179	ĐẶNG THỊ HỒNG	10/10/89			7	Bảy
42	07122180	NGUYỄN THANH	/ /89			8	Tám
43	07122182	ĐỖ THIÊN	03/11/89				

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 40 Số bài: 40 Sở từ: _____

Ngày 8 tháng 6 năm 2008.

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Trù

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Địa lý kinh tế-P (08131) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi) - Tổ 005
Ngày Thi: 08/06/08 Giờ thi: 07g00 - 90 phút Phòng thi PV227

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122181	NGUYỄN THỊ KIM	THỨ	/ /88		7	Bảy
2	07122183	ĐÀO DUY	TOÀN	23/11/89		✓	
3	07122185	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	08/03/89		8	Tám
4	07122184	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	06/10/89		✓	
5	07122186	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	24/04/89		7	Bảy
6	07122189	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	03/10/89		6	Sáu
7	07122188	PHAN TRẦN THỊ THU	TRANG	03/11/89		✓	
8	07122187	TRẦN THỊ	TRANG	30/01/89		8	Tám
9	07122190	TRỊNH THỊ XUÂN	TRANG	14/09/88		9	Chín
10	07122191	NGUYỄN THỊ VŨ	TRÂM	10/02/89		7	Bảy
11	07122192	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRẦN	29/09/89		8	Tám
12	07122193	TRỊNH THỊ BẢO	TRẦN	21/07/89		8	Tám
13	07122194	NGUYỄN VĂN	TRÍ	16/08/87		9	Chín
14	07122195	NGUYỄN ÍCH PHI	TRÌNH	04/04/89		8	Tám
15	07122196	NGUYỄN ĐỖ THANH	TRÚC	13/10/89		8	Tám
16	07122197	VÕ THỊ THANH	TRÚC	12/12/89		9	Chín
17	07122198	ĐOÀN LÊ ANH	TUẤN	09/11/89		8	Tám
18	07155015	HỒ MINH	TUẤN	16/07/88		6	Sáu
19	07122199	BÙI QUỐC	TÙNG	18/09/89		10	Mười
20	07122201	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	25/06/89		8	Tám
21	07122200	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYỀN	12/05/89		8	Tám
22	07122202	ĐỖ THỊ CẨM	UYÊN	20/03/89		8	Tám
23	07122205	PHẠM THANH	VÂN	24/12/88		7	Bảy
24	07122204	PHẠM THỊ HỒNG	VÂN	09/05/89		7	Bảy
25	07122208	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	05/11/88		6	Sáu
26	07122209	NGUYỄN THỊ BÌNH	YẾN	03/11/89		8	Tám
27	07122210	NGUYỄN THỊ XUÂN	YẾN	26/10/89		7	Bảy
28	07122213	ĐẶNG THỊ NGỌC	YẾN	03/10/89		8	Tám
29	07122211	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	29/03/89		7	Bảy
30	07122212	VÕ KIM	YẾN	21/08/89		8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 27 Số bài: 27 Sở từ: _____

Ngày 08 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vs Thị B. Tuyê

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phạm Thị Nhiên



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Địa lý kinh tế (08101) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07TB (Nhóm Thi) - Tổ 004
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135131	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/09/89		8	Tám
2	07135132	TRẦN QUỐC	THẢO	05/02/88		8	Tám
3	07135133	NGUYỄN VĂN	THẮNG	23/07/89		7	Bảy
4	07135134	NGUYỄN MINH	THẾ	02/09/86		8	Tám
5	07135061	VÕ TẤN	THỊ	23/02/89		9	Chín
6	07135062	HUYỀN THỊ	THƠ	12/07/89		6	Sáu
7	07135136	ĐÀM THỊ	THU	27/10/89		10	Mười
8	07135063	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÚY	05/04/88		8	Tám
9	07135064	TRẦN MINH	THỰ	14/03/89			
10	07135065	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	06/12/89		9	Chín
11	07135068	TRƯƠNG THỊ THỦY	TIẾN	01/05/89		8	Tám
12	07135139	NGÔ MẠNH	TIẾN	15/11/89		9	Chín
13	07135140	TRẦN TRUNG	TÍN	14/11/89		7	Bảy
14	07135141	PHẠM THỊ	TOÀN	22/11/88		7	Bảy
15	07135142	NGUYỄN KIM	TOÀN	16/11/89		7	Bảy
16	07135143	NGUYỄN MINH	TOÀN	01/01/89		9	Chín
17	07135069	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	24/12/88		8	Tám
18	07135144	PHẠM NGỌC THỦY	TRANG	28/10/89		10	Mười
19	07135070	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	12/01/89		8	Tám
20	07135071	TRẦN THỊ KIỀU	TRINH	08/12/89			
21	07135072	NGUYỄN TRUNG	TRONG	01/08/89		8	Tám
22	07135145	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	09/01/89		7	Bảy
23	07135073	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	05/01/89		8	Tám
24	07135074	TRỊNH THỊ BÍCH	VÂN	09/02/89		8	Tám
25	07135147	ĐÀO KHẮC ANH	VIỆT	21/09/89		8	Tám
26	07135148	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	VINH	25/07/87		7	Bảy
27	07135150	ĐOÀN TRẦN	VŨ	29/06/89		8	Tám
28	07135075	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	20/12/88		8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Số tờ: 26

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Thị Nhat



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Địa lý kinh tế (08101) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07TB (Nhóm Thi) - Tổ 003
Ngày Thi 08/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135108	TRẦN MINH LUÂN	18/11/88		<i>Minh</i>	9	Chín
2	07135044	NGUYỄN TRUNG LUẬT	15/03/87		<i>Luật</i>	6	Sáu
3	07135045	NGUYỄN VĂN LÚC	18/01/89		<i>Luc</i>	9	Chín
4	07135109	TRẦN THỊ THANH LÝ	05/07/89		<i>Ly</i>	7	Bảy
5	07135110	NGUYỄN THỊ MAI	22/06/87		<i>Mai</i>	9	Chín
6	07135046	ĐINH GIA MẠNH	08/07/88		<i>Namh</i>	9	Chín
7	07135111	TRƯƠNG KIỀU MI	08/11/88		<i>mi</i>	9	Chín
8	07135112	LÊ THỊ DIỆU MY	01/05/89		<i>My</i>	10	Mười
9	07135047	NG P THIÊN BÙU TRÀ	16/09/89		<i>Trà</i>	9	Chín
10	07135113	NGUYỄN THỊ THẾ MỸ	18/09/89		<i>Nam</i>	7	Bảy
11	07135114	LÊ HOÀI NAM	06/04/89		<i>Nam</i>	8	Tám
12	07135048	NGUYỄN THỊ NGÀ	02/12/87		<i>Ngà</i>	7	Bảy
13	07135116	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ	16/04/88		<i>Ngà</i>	8	Tám
14	07135115	VŨ THỊ NGÀ	06/02/88		<i>Ngà</i>	8	Tám
15	07135117	LÊ BẢO NGÂN	01/10/89		<i>Ngân</i>	8	Tám
16	07135051	TRẦN HOÀNH NGHỊ	27/04/89		<i>Nghị</i>	7	Bảy
17	07135120	NGUYỄN HOÀNG THẢO NGUYỄN	29/04/89		<i>Nguyen</i>	8	Tám
18	07135119	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	02/06/88		<i>Kim</i>	8	Tám
19	07135052	TRẦN THỊ LAN NHI	07/05/89		<i>Nhi</i>	8	Tám
20	07135053	NGUYỄN THỊ MỸ NƯỞNG	15/10/89		<i>Nuoi</i>	8	Tám
21	07135122	NGUYỄN ĐĂNG PHÚC	02/01/88		<i>Phuc</i>	7	Bảy
22	07135123	ĐINH THỊ MINH PHƯƠNG	11/02/89		<i>Phuong</i>	9	Chín
23	07135056	TRẦN THỊ THẢO PHƯƠNG	15/12/89		<i>Phuong</i>	9	Chín
24	07135124	NGÔ THỊ TÚ PHƯƠNG	17/09/88		<i>Phuong</i>	9	Chín
25	07135125	NGUYỄN ĐẠT NGUYỆT QUẾ	24/04/89		<i>Quet</i>	9	Chín
26	07135126	LÊ VĂN QUÝ	07/03/89		<i>Quy</i>	8	Tám
27	07135058	TRẦN MINH QUÝ	11/03/89		<i>Quy</i>	8	Tám
28	07135127	LÊ HOÀNG SON	15/10/89		<i>Son</i>	7	Bảy
29	07135128	TRƯƠNG ĐẶC TAO	25/07/88		<i>Tao</i>	8	Tám
30	07135130	LÊ THANH TÂM	15/04/85		<i>Tam</i>	8	Tám
31	07135059	NGUYỄN HỒNG THẢO	02/06/89		<i>Thao</i>	7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 28 Số bài: 28 Sở từ: _____

Ngày 8 tháng 6 năm 2008

(hai lần)
Trương

Cán bộ coi thi 1

Trương

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Nga
Nga

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1

như

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phạm Thị Nhiên

5	
6	
7	
8	
9	
10	0
11	0
12	07
13	071
14	0713
15	07135
5	071351
	0713511
	07135111
	07135052
	07135053
	07135122
	07135123
	135056
	135124
	35125 N
	5126 LÊ
	058 TR
	27 LÊ H
	28 TRƯC
	0 LÊ TH
	NGUYỄN